

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2018/HS-ST
Ngày: 30-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Thụ
Bà H'Uyên A Yun.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hòa – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa: Ông Hồ Quang Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018 tại Phòng xử án - Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 69/2018/TLST-HS, ngày 10 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2018/QĐXXST-HS, ngày 03 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Phan Văn T; tên gọi khác: D, sinh năm 1994 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Thôn AB, xã M, huyện PM, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn Đ, sinh năm 1946 và bà Đặng Thị N, sinh năm 1955; có vợ là Nguyễn Thị V, sinh năm 1994; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh; có mặt.

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993; địa chỉ: T, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1939; địa chỉ: T, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

2. Anh Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn VA, xã MC, huyện PM, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn VA, xã MC, huyện PM, tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phan Văn T*: Trợ giúp viên pháp lý ông Phùng Văn Hải – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 20 tháng 12 năm 2017, Nguyễn Ngọc V cùng con rể là Phan Văn T đi đến thăm mẹ của V là bà Nguyễn Thị G ở thôn 3, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Khi đến nhà bà G thấy cửa đã đóng nên V gọi bà G thì bà G ra mở cửa, V đi vào nhà, lúc này bà G đóng cửa lại còn T đứng ở ngoài chờ. V vào nhà thì thấy Phan Văn Đ (là cháu ruột của V) đang nằm trên ghế nên V hỏi Đ vì sao gặp cậu mà không chào hỏi nhưng Đ không trả lời nên V dùng tay tát một cái vào mặt Đ. Nghe tiếng xô xát trong nhà thì T chạy ra cửa phía sau dùng chân đạp cửa vào nhà thì thấy V và Đ đang giằng co nhau nên T dùng tay phải đánh nhiều cái vào mặt và đầu của Đ thì Đ xô ra làm T ngã. Lúc này, T lấy cái lư hương bằng sứ trên tủ thờ đánh một cái trúng vào mặt của Đ làm Đ ngã xuống nền nhà. Thấy Đ bị chảy máu nên T và V đi về.

Bị cáo Phan Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Bệnh án sao trích lục số 28.1, ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Bệnh viện đa khoa Thiện Hạnh xác định thương tích của Nguyễn Văn Đ: Đa vết thương vùng mặt/chấn thương đầu mặt.

Tại bản kết luận pháp y thương tích số 248/PY-TgT, ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận: Nguyễn Văn Đ, bị đa thương đầu, sẹo ảnh hưởng thẩm mỹ, tỷ lệ tổn thương cơ thể 15%. Vật tác động cứng, có cạnh.

Quá trình điều tra bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định.

Tại Bản cáo trạng số 68/CT-VKS, ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo truy tố đối với bị cáo Phan Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo giữ nguyên quan điểm truy tố sau khi đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

năm 2015; xử phạt bị cáo Phan Văn T từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù. Khẩu trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc bị cáo Phan Văn T và gia đình đã tự nguyện bồi thường tiền chi phí điều trị thương tích và các khoản chi phí hợp lý khác cho bị hại Nguyễn Văn Đ là 30.000.000 đồng; chấp nhận việc bị cáo Phan Văn T và bị hại Nguyễn Văn Đ thỏa thuận với nhau tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại 10.000.000 đồng, thời hạn giao tiền là ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu hủy 01 mảnh kính bị vỡ có kích thước 23cm x 19cm x 01cm; 01 lư hương (bát nhang) bằng sứ, màu xanh đã bị vỡ.

Người bào chữa cho bị cáo tranh luận: Người bào chữa đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường một phần chi phí điều trị thương tích cho bị hại 30.000.000 đồng; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; cha mẹ của bị cáo đã già yếu, mẹ đang bị bệnh; bị cáo nhất thời phạm tội; nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt dưới khung hình phạt đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận: Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng áp dụng là phù hợp với tính chất, mức độ mà hành vi của bị cáo gây ra, nên việc người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt dưới khung đối với bị cáo là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Bị cáo Phan Văn T không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát, không có tranh luận gì với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Trong quá trình điều tra bị cáo Phan Văn T, bị hại Nguyễn Văn Đ không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo Phan Văn T nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an

huyện Ea H'Leo, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bào chữa không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Vào khoảng 22 giờ ngày 20 tháng 12 năm 2017 tại nhà của bà Nguyễn Thị G thuộc thôn 3, xã Ea Khal, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Phan Văn T có hành vi dùng cái lư hương gây thương tích cho Nguyễn Văn Đ, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 15%.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ nhận thức để biết được việc làm của mình là vi phạm pháp luật. Thế nhưng, do ý thức coi thường pháp luật, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác, nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

Hội đồng xét xử nhận thấy cái lư hương mà bị cáo dùng để gây thương tích cho Nguyễn Văn Đ thuộc loại vật cứng, chắc, chứa đựng tính nguy hiểm cao, giữa bị cáo và bị hại không hề có mâu thuẫn nhưng bị cáo vẫn cố ý gây thương tích. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung hình phạt “Dùng hung khí nguy hiểm” và “Có tính chất côn đồ” quy định tại các điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ căn cứ pháp luật để kết luận: Bị cáo Phan Văn T đã phạm tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại các điểm a, i khoản 1, khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999; các điểm a, i khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại các điểm a, i khoản 1, khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”:

a) Dùng hung khí nguy hiểm;

i) Có tính chất côn đồ;

2. Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 điều này thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

Tại các điểm a, i khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

i) Có tính chất côn đồ;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm.

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30%, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 điều này”.

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện ý thức coi thường pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến sức khỏe của người khác. Vì vậy, cần áp dụng một hình phạt đủ nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để trừng trị đồng thời cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân biết tôn trọng pháp luật. Ngoài ra, còn có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường cho bị hại 30.000.000 đồng; bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Như vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định về tội “Cố ý gây thương tích” có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù, đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, quy định về tội “Cố ý gây thương

tích” có khung hình phạt từ 02 năm đến 06 năm tù. Căn cứ vào khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội, thì đây là quy định có lợi cho bị cáo. Vì vậy, cần áp dụng khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Cần chấp nhận việc bị cáo Phan Văn T và bị hại Nguyễn Văn Đ thỏa thuận với nhau, bị cáo Phan Văn T bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn Đ 40.000.000 đồng tiền chi phí điều trị thương tích và các khoản chi phí hợp lý khác. Khấu trừ số tiền mà bị cáo Phan Văn T và gia đình đã tự nguyện bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn Đ là 30.000.000 đồng, bị cáo Phan Văn T tiếp tục bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn Đ 10.000.000 đồng, thời hạn giao tiền kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về xử lý vật chứng: Cần tịch thu, tiêu hủy 01 mảnh kính bị vỡ có kích thước 23cm x 19cm x 01cm; 01 lư hương (bát nhang) bằng sứ, màu xanh đã bị vỡ.

[5] Về án phí hình sự và dân sự: Bị cáo Phan Văn T thuộc hộ cận nghèo nên được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 104; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 3 Điều 7; điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bố bị cáo Phan Văn T (tên gọi khác: D) phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Xử phạt bị cáo Phan Văn T 02 (Hai) năm tù. Khấu trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/5/2018 đến ngày 27/6/2018 (01 tháng 06 ngày). Bị cáo Phan Văn T còn phải chấp hành hình phạt còn lại là 01 năm 10 tháng 24 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 46, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Chấp nhận việc bị cáo Phan Văn T và bị hại Nguyễn Văn Đ thỏa thuận với nhau, bị cáo Phan Văn T bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn Đ 40.000.000 đồng tiền chi phí điều trị thương tích và các khoản chi phí hợp lý khác. Khấu trừ số tiền mà bị cáo Phan Văn T và gia đình đã tự nguyện bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn Đ là 30.000.000 đồng, bị cáo Phan Văn T tiếp tục bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn Đ 10.000.000 đồng, thời hạn giao tiền kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu, tiêu hủy 01 mảnh kính bị vỡ có kích thước 23cm x 19cm x 01cm; 01 lư hương (bát nhang) bằng sứ, màu xanh đã bị vỡ (Đặc điểm vật chứng được lưu tại hồ sơ vụ án).

5. Về án phí hình sự và dân sự: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phan Văn T được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào khoản 1, khoản 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo Phan Văn T; bị hại anh Nguyễn Văn Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ngọc V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ giám đốc kiểm tra I);
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ CA huyện Ea H'Leo;
- Cơ quan thi hành án hình sự CA huyện Ea H'Leo;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện E;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Đăng Khoa